

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết nhiệm vụ Xây dựng Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 38/2015/NĐ-CP ngày 14/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu; số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược Quốc gia trong Quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu rác thải nhựa;

Căn cứ Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 29/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác triển khai thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 752/TTr-STNMT ngày 21/9/2021 (kèm Công văn số 2536/STC-HCSN ngày 13/9/2021 của Sở Tài chính).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết nhiệm vụ “Xây dựng Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025”, với nội dung chính như sau:

1. Tên nhiệm vụ: Xây dựng Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025.
2. Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.
3. Phạm vi thực hiện: trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

4. Mục tiêu:

a) Mục tiêu chung: nhằm thực hiện Chiến lược Quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn (viết tắt là CTR) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, góp phần giảm thiểu tổng lượng CTR ra môi trường, tiết kiệm chi phí thu gom vận chuyển, xử lý, nâng cao hiệu quả công tác thu gom, xử lý CTR, thực hiện tốt mục tiêu bảo vệ môi trường gắn với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đảm bảo việc quản lý CTR sinh hoạt được thực hiện theo đúng Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

a) Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng được kế hoạch phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn toàn tỉnh đến năm 2025 nhằm định hướng khung hành động đồng bộ công tác phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn cho toàn tỉnh theo phương thức chung.

- Soạn thảo bộ tài liệu hướng dẫn để UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng chương trình/đề án phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn phù hợp với điều kiện của địa phương mình (*trên cơ sở đó, tùy theo tính chất vùng miền, đặc thù vị trí địa lý, hiện trạng phát sinh, năng lực quản lý rác thải, các địa phương sẽ xây dựng chương trình/đề án phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn cho phù hợp với tình hình thực tế*).

- 100% hộ dân và đơn vị trên địa bàn tỉnh được trang bị kiến thức về phân loại, quản lý CTR sinh hoạt tại nguồn (*các chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ hộ gia đình, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn sẽ được nghiên cứu, đề xuất theo từng năm trong Kế hoạch*).

5. Nội dung thực hiện

- Khảo sát và đánh giá hiện trạng phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh:

+ Khảo sát hiện trạng, công tác quản lý và phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh.

+ Tổng hợp số liệu về hiện trạng, công tác quản lý và phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh.

+ Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn.

- Nghiên cứu xây dựng kế hoạch phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn toàn tỉnh đến năm 2025.

- Nghiên cứu xây dựng tài liệu hướng dẫn cho các huyện, thị xã, thành phố triển khai chương trình/đề án phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn phù hợp với điều kiện của địa phương mình.

6. Các bước công việc thực hiện

- Nội dung 1: điều tra, khảo sát thu thập thông tin tài liệu.

- Nội dung 2: tổng hợp, xử lý thông tin, số liệu lập các báo cáo chuyên đề:

+ Chuyên đề 1: “*Tổng quan công tác quản lý CTR tỉnh Quảng Nam*”;

+ Chuyên đề 2: “*Kinh nghiệm quản lý CTR sinh hoạt tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*”;

+ Chuyên đề 3: “Kế hoạch thực hiện chương trình phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025”;

+ Chuyên đề 4: “Các phương án thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý CTR sinh hoạt sau phân loại”;

+ Chuyên đề 5: “Bộ tài liệu khung hướng dẫn lập Kế hoạch hành động giảm thiểu CTR sinh hoạt đến năm 2025 cho các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Quảng Nam”;

+ Chuyên đề 6: “Giải pháp thực hiện”.

- Nội dung 3: xây dựng Báo cáo tổng hợp “Kế hoạch phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025”.

- Nội dung 4: tham vấn các bên liên quan, hoàn thiện sản phẩm.

- Nội dung 5: trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo.

Báo cáo sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan sẽ được hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt.

7. Thời gian thực hiện và sản phẩm bàn giao

- Thời gian thực hiện: trong năm 2021.

- Sản phẩm bàn giao: Báo cáo tổng hợp “Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025” được UBND tỉnh phê duyệt.

8. Kinh phí thực hiện

- Tổng dự toán kinh phí thực hiện: 198.000.000 đồng (một trăm chín mươi tám triệu đồng y).

+ Chi phí thực hiện nhiệm vụ: 182.000.000 đồng.

+ Chi phí khác: 16.000.000 đồng.

- Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2021 và 2022, trong đó:

+ Điều chỉnh nội dung dự toán đã giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường (tại gạch đầu dòng (-) thứ 4 điểm 2.2, khoản 2, mục III, phần B, Phụ lục kèm theo Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh) thành nội dung “Xây dựng Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025” với số tiền: 100.000.000 đồng. Thực hiện cắt giảm theo Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh còn 90.000.000 đồng.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu bố trí trong tổng dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2022 giao cho đơn vị mình để thanh toán chi phí thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025”: 108.000.000 đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, kiểm tra, giám sát và tổ chức nghiệm thu sản phẩm theo Đề cương được duyệt;

- Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường để thực hiện; đồng thời hướng dẫn thực hiện thanh, quyết toán theo quy định;

- Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tích cực phối hợp tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

*D:\Dropbox\Năm 2021\Quyết định\Môi trường\
09 22 PD ĐC DT phân loại rac thai.doc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tân



DỰ TOÁN

Nhiệm vụ: "Xây dựng Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025"

(Kèm theo Công văn số /STC-HCSN ngày 10/9/2021 của Sở Tài chính)

ĐVT: đồng.

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Dự toán			Ghi chú
			Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
I	CHI PHÍ LẬP NHIỆM VỤ	đề cương	1	1.000.000	1.000.000	QĐ 05/2019/QĐ-UBND
II	CHI PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ				177.000.000	
1	Chi phí trực tiếp				154.154.987	
1.1	Thu thập thông tin tài liệu, số liệu				24.953.752	
	Lập mẫu phiếu điều tra (Phòng TNMT, Công ty dịch vụ thu gom, xử lý chất thải rắn)	mẫu phiếu	2	400.000	800.000	QĐ số 05/2019/QĐ-UBND
	Tiền công cho điều tra viên (2 người x 2 ngày huyện x 18 huyện)	ngày công	72	101.591	7.314.552	
	Chi đối tượng cung cấp thông tin (18 huyện + 2 đơn vị dịch vụ)	phiếu	20	100.000	2.000.000	
	Phương tiện đi điều tra				14.839.200	Phụ lục 01 kèm theo Thuyết minh đề cương và dự toán.
1.2	Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn tại các huyện:				45.644.910	
1.2.1	Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn tại các huyện:				16.561.350	
	Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn các huyện: Đại Lộc, Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang (4 người x 5 ngày)	ngày công	20	212.325	4.246.500	Áp dụng công kỹ sư bậc 3 (Phụ lục 02 kèm theo Thuyết minh đề cương và dự toán).
	Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn các huyện: Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn, Hội An (4 người x 4 ngày)	ngày công	16	212.325	3.397.200	

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Dự toán			Ghi chú
			Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
	Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn các huyện: Phú Ninh, Tiên Phước, Bắc Trà My, Nam Trà My (4 người x 4,5 ngày)	ngày công	18	212.325	3.821.850	
	Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn các huyện: Quế Sơn, Nông Sơn, Hiệp Đức, Phước Sơn (4 người x 4 ngày)	ngày công	16	212.325	3.397.200	
	Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn các huyện: TP. Tam Kỳ, Núi Thành (4 người x 2 ngày)	ngày công	8	212.325	1.698.600	
1.2. 2	Phương tiện đi đánh giá quản lý chất thải rắn (xe máy)				12.283.560	Phụ lục 01 kèm theo Thuyết minh đề cương và dự toán.
1.2. 3	Thuê phòng nghỉ (4 người x 14 ngày)	Ngày	56	300.000	16.800.000	NQ số 20/2017/NQ-HĐND
1.3	Tổng hợp, xử lý thông tin, số liệu lập các báo cáo chuyên đề				44.779.390	
	Chuyên đề 1: Tổng quan công tác quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Nam (5 người x 6 ngày)	Công	30	235.681	7.070.430	
	Chuyên đề 2: Kinh nghiệm quản lý CTR sinh hoạt tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (5 người x 6 ngày)	Công	30	235.681	7.070.430	
	Chuyên đề 3: Kế hoạch thực hiện chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 (5 người x 8 ngày)	Công	40	235.681	9.427.240	
	Chuyên đề 4: “Các phương án thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại” (5 người x 6 ngày)	Công	30	235.681	7.070.430	
	Chuyên đề 5: Bộ tài liệu khung hướng dẫn lập Kế hoạch hành động giảm thiểu chất thải rắn đến năm 2025 cho các huyện và thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam (5 người x 6 ngày)	Công	30	235.681	7.070.430	
	Chuyên đề 6: Giải pháp thực hiện Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 (5 người x 6 ngày)	Công	30	235.681	7.070.430	

Áp dụng công kỹ sư bậc 4 (Phụ lục 02 kèm theo Thuyết minh đề cương và dự toán.

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Dự toán			Ghi chú
			Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1.4	Xây dựng báo cáo tổng hợp về Dự thảo Kế hoạch phân loại chất thải rắn tại nguồn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025				31.816.935	
	Xây dựng dự thảo báo cáo lần 1 (3 người x 20 ngày)	Công	60	235.681	14.140.860	Áp dụng công kỹ sư bậc 4 (Phụ lục 02 kèm theo Thuyết minh đề cương và dự toán).
	Xây dựng dự thảo báo cáo lần 2 (3 người x 15 ngày)	Công	45	235.681	10.605.645	
	Xây dựng dự thảo báo cáo lần 3 (3 người x 10 ngày)	Công	30	235.681	7.070.430	
1.5	In ấn, photo báo cáo tổng hợp				6.960.000	
	Photo báo cáo tổng hợp (43 bộ phục vụ hội thảo và 9 bộ phục vụ hội đồng nghiệm thu + 5 bộ trình phê duyệt)	bản	57	80.000	4.560.000	Tạm tính
	In ấn, photo phát hành báo cáo tổng hợp	bản	30	80.000	2.400.000	
2	Chi phí quản lý chung (=Chi phí trực tiếp x 15%)				23.123.248	Thông tư 02/2017/TT-BTC
III	CHI BÁO CÁO TỔNG KẾT NHIỆM VỤ				4.000.000	QĐ số 05/2019/QĐ-UBND
IV	CHI PHÍ KHÁC				16.000.000	
I	Xét duyệt đề cương:				6.150.000	
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	1	400.000	400.000	QĐ số 05/2019/QĐ-UBND
	Thành viên, thư ký hội đồng	người/buổi	8	250.000	2.000.000	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	2	400.000	800.000	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	bài viết	7	250.000	1.750.000	
	Đại biểu mời tham dự	người/buổi	6	150.000	900.000	
	Nước uống giữa buổi	người/buổi	15	20.000	300.000	NQ số 20/2017/NQ-HĐND
2	Tổ chức Hội thảo tham vấn	Hội thảo	1		7.660.000	
	Chủ tịch hội đồng	Người	1	400.000	400.000	QĐ số 05/2019/QĐ-UBND
	Thư ký hội đồng	Người	1	250.000	250.000	

TT	Các khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Dự toán			Ghi chú
			Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
	Đại biểu tham dự (Phòng TNMT: 18; các Sở ban ngành: 13; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở: 10)	Người	41	150.000	6.150.000	
	Nước uống	người/buổi	43	20.000	860.000	NQ số 20/2017/NQ-HĐND
3	Hội đồng nghiệm thu	Buổi	1		1.730.000	
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1	350.000	350.000	QĐ số 05/2019/QĐ-UBND
	Thành viên, thư ký hội đồng	Người	8	150.000	1.200.000	
	Nước uống	Suất	9	20.000	180.000	NQ số 20/2017/NQ-HĐND
	Dự toán nhiệm vụ:				198.000.000	